HAGL Group

Số: 53/25/CV-HAGL
(V/v: Giải trình BCTC tổng hợp bán niên năm 2025 đã được soát xét)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 20 tháng 8 năm 2025

Kính gửi:
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") (mã CK: HAG) giải trình kết quả kinh doanh và ý kiến nhấn mạnh trên Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2025 đã được soát xét như sau:

Trong báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2025 đã được soát xét, Công ty lỗ 162.911.917 ngàn VND nguyên nhân chủ yếu do chi phí lãi vay vẫn còn cao trong khi lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh thu từ hoạt động tài chính không đủ để bù đắp.

I. Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2025 đã được soát xét so với Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2024 đã được soát xét:

ĐVT: Ngàn VND

Khoản mục	BCTC tổng hợp bán niên năm 2025 (Đã được soát xét)	BCTC tổng hợp bán niên năm 2024 (Đã được soát xét)	Biến động
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(162.911.917)	(122.817.985)	(40.093.932)

Nguyên nhân chủ yếu do tăng dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

II. Giải trình ý kiến nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2025 đã được soát xét:

Trong báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2025 đã được soát xét, kiểm toán viên có nhấn mạnh đến khoản lỗ thuần 162.911.917 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.552.366.046 ngàn VND, và nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.947.125.900 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2025 đã được soát xét, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thanh lý tài sản, thu hồi các khoản cho vay từ các đối tác, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của hợp đồng trái phiếu có liên quan và bổ sung tài sản đảm bảo. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Đồng thời, Công ty đang tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua phương án hoán đổi khoản vay dài hạn và khoản phải trả các bên khác thành vốn cổ phần. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2025 trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
DN: C=VN, L=GIA LAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5900377720
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-08-20 22:04:52

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2025 đã được soát xét.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN XUÂN THẮNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu PTC

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Shape the future
with confidence

NỘI DUNG

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 50

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900377720, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp, và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; và cơ khí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Bà Hà Kiết Trân	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Ông Bùi Lê Quang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban	
Bà Đoàn Nguyễn Minh Hòa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Bà Đinh Thị Lê Sa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Xuân Thắng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đề ngày 20 tháng 8 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ").

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 11576751/67730031-LR-R

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập vào ngày 20 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến *Thuyết minh số 2.6* của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 162.911.917 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, và cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.552.366.046 ngàn VND, và nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.947.125.900 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong *Thuyết minh số 2.6* cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811602 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.433.826.555**	**1.455.657.275**
110	***I. Tiền***	***4***	***148.213.374***	***4.164.549***
111	1. Tiền		148.213.374	4.164.549
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.281.336.627***	***1.447.158.633***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	28.220.061	23.096.788
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	313.377.741	313.099.268
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	26.335.167	87.637.750
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.839.825.377	1.949.919.260
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 7, 8	(926.421.719)	(926.594.433)
140	***III. Hàng tồn kho***	***9***	***716.063***	***796.673***
141	1. Hàng tồn kho		3.057.638	3.138.248
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(2.341.575)
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***3.560.491***	***3.537.420***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		5.198	1.925
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		427.714	407.916
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.127.579	3.127.579
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**13.237.565.641**	**13.293.317.837**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***1.460.604.242***	***1.500.126.745***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	946.679.142	999.457.034
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	513.925.100	500.669.711
220	***II. Tài sản cố định***		***122.383.346***	***119.476.950***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	96.970.167	94.198.771
222	Nguyên giá		217.162.228	212.113.628
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(120.192.061)	(117.914.857)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	25.413.179	25.278.179
228	Nguyên giá		40.240.952	40.095.952
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.827.773)	(14.817.773)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***12***	***33.350.534***	***34.296.263***
231	1. Nguyên giá		47.003.809	47.003.809
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(13.653.275)	(12.707.546)
240	***IV. Tài sản dở dang dài hạn***		***17.860.179***	***17.742.936***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		17.860.179	17.742.936
250	***V. Đầu tư tài chính dài hạn***	***13***	***11.602.605.529***	***11.620.880.529***
251	1. Đầu tư vào công ty con		11.884.027.219	11.891.977.939
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		-	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		916.380.007	916.380.007
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.197.801.697)	(1.192.477.417)
260	***VI. Tài sản dài hạn khác***		***761.811***	***794.414***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	761.811	794.414
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**14.671.392.196**	**14.748.975.112**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**7.649.765.412**	**7.562.900.411**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***6.380.952.457***	***6.213.254.064***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	48.730.152	55.391.202
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	16.697.048	14.949.040
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.464.324	2.588.975
314	4. Phải trả người lao động		5.620.454	5.536.555
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.997.862.498	3.808.273.562
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.388.474.471	407.905.069
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.922.000.000	1.918.506.151
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	***II. Nợ dài hạn***		***1.268.812.955***	***1.349.646.347***
333	1 Chi phí phải trả dài hạn	18	81.706.130	163.412.260
337	2 Phải trả dài hạn khác	19	7.666.626	7.666.626
338	3 Vay dài hạn	20	1.172.653.166	1.171.204.222
341	4 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	1.422.199	1.998.405
342	5 Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.364.834
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**7.021.626.784**	**7.186.074.701**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***21.1***	***7.021.626.784***	***7.186.074.701***
411	1. Vốn cổ phần		10.574.679.470	10.574.679.470
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*10.574.679.470*	*10.574.679.470*
415	2. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
421	3. Lỗ lũy kế		(3.552.366.046)	(3.387.918.129)
421a	*- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước*		*(3.389.454.129)*	*(3.122.155.471)*
421b	*- Lỗ kỳ này*		*(162.911.917)*	*(265.762.658)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**14.671.392.196**	**14.748.975.112**

Phạm Thị Thu Hà	Lê Trương Y Trâm	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	4.797.102	3.445.787
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(3.055.148)	(1.701.794)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.741.954	1.743.993
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	53.259.781	90.647.075
22	5. Chi phí tài chính	24	(183.330.897)	(177.983.718)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(164.755.249)*	*(191.689.505)*
25	6. Chi phí bán hàng	25	(1.145.785)	(1.738.120)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(33.486.302)	(34.392.116)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(162.961.249)	(121.722.886)
31	9. Thu nhập khác	26	381.657	231.848
32	10. Chi phí khác	26	(908.531)	(1.132.811)
40	11. Lỗ khác	26	(526.874)	(900.963)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(163.488.123)	(122.623.849)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	-
52	14. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27.2	576.206	(194.136)
60	15. Lỗ sau thuế TNDN		(162.911.917)	(122.817.985)

Phạm Thị Thu Hà	Lê Trương Y Trâm	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lỗ kế toán trước thuế**		**(163.488.123)**	**(122.623.849)**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	10, 11, 12	3.232.933	3.304.722
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		18.102.286	(13.218.140)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.950.850)	(22.615.600)
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(46.292.241)	(68.031.475)
06	Chi phí lãi vay	24	164.755.249	191.689.505
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(30.640.746)**	**(31.494.837)**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		70.584.979	(70.817.637)
10	Giảm hàng tồn kho		80.610	632.127
11	Giảm các khoản phải trả		(65.761.903)	(42.903.160)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		29.330	(196.607)
14	Tiền lãi vay và lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") đã trả		-	(55.443.666)
15	Thuế TNDN đã nộp	27.1	(37.670)	(27.976.398)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.536.000)	(1.408.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(27.281.400)**	**(229.608.178)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(5.245.403)	(72.372)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		620.000	-
23	Tiền chi cho vay		-	(944.556.333)
24	Tiền thu hồi cho vay		114.500.566	33.348.927
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	434.414.952
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		67.455.062	224.787.566
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**177.330.225**	**(252.077.260)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	-	1.300.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(6.000.000)	(723.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính**		**(6.000.000)**	**577.000.000**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**144.048.825**	**95.314.562**
60	**Tiền đầu kỳ**		**4.164.549**	**7.946.716**
70	**Tiền cuối kỳ**	**4**	**148.213.374**	**103.261.278**

Phạm Thị Thu Hà	Lê Trương Y Trâm	Nguyễn Xuân Tháng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900377720, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp, và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty	*Trụ sở*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*
Lĩnh vực nông nghiệp				
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,78	98,78
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	85,00	85,00
(5) Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	90,45
(6) Công ty Cổ phần Lê Me	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	87,74
(7) Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Stung Treng, Campuchia	Đang hoạt động	100,00	87,74
(8) Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(9) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	97,49
(10) Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	97,49
(11) Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	82,93	82,93
(12) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang	Champasak, Lào	Trước hoạt động *(i)*	100,00	98,78
(13) Công ty Cổ phần Thủy sản Cá Tầm Bolaven	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	98,74
(14) Công ty TNHH MTV Cá tầm Bolaven Paksong	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,74
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(15) Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	97,50
(16) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động *(i)*	100,00	100,00

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp, và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên công ty	*Trụ sở*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc:				
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng				
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3) Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
Quản lý bất động sản và khách sạn				
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 143 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 154).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 20 tháng 8 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 162.911.917 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.552.366.046 ngàn VND, và nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.947.125.900 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng trái phiếu và đang chưa thanh toán khoản lãi trái phiếu quá hạn thanh toán như được trình bày tại *Thuyết minh số 20* của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đã lập kế hoạch dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo dựa vào kỳ vọng về (i) dòng tiền hoạt động kinh doanh tạo ra từ các dự án kinh doanh chính đang triển khai, (ii) giá trị thu hồi từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính và các khoản cho vay từ các đối tác cùng với việc được phê duyệt hoãn thanh toán theo phương án tái cơ cấu nợ với các bên cho vay. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng trái phiếu liên quan. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc dự kiến Công ty sẽ có thể tiếp tục hoạt động và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Tài sản cố định vô hình* (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Phần mềm máy vi tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- Các khoản chi phí trả trước khác.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ* (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.16 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- *Quỹ đầu tư phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Ghi nhận doanh thu* (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.19 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Tiền mặt	974.936	601.565
Tiền gửi ngân hàng	147.238.438	3.562.984
TỔNG CỘNG	**148.213.374**	**4.164.549**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.348.230	20.432.243
Phải thu tiền bán căn hộ	797.068	969.782
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	1.074.763	1.694.763
Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư	6.000.000	-
TỔNG CỘNG	**28.220.061**	**23.096.788**
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 28)	*13.589.693*	*13.514.674*
Phải thu các bên thứ ba	*14.630.368*	*9.582.114*
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(13.374.134)	(13.546.848)
GIÁ TRỊ THUẦN	**14.845.927**	**9.549.940**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ	13.546.848	12.537.759
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	-	2.937.424
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(172.714)	(193.453)
Số cuối kỳ	13.374.134	15.281.730

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	313.377.741	313.099.268
Trong đó:		
Trả trước cho bên liên quan (TM số 28)	*309.375.399*	*309.421.541*
Trả trước cho các bên thứ ba	*4.002.342*	*3.677.727*
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(2.167.366)	(2.167.366)
GIÁ TRỊ THUẦN	**311.210.375**	**310.931.902**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ	2.167.366	298.180
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	-	345.371
Số cuối kỳ	2.167.366	643.551

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên thứ ba	26.335.167	25.915.076
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan *(TM số 28) (i)*	-	61.722.674
	26.335.167	87.637.750
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan *(TM số 28) (i)*	946.679.142	999.457.034
TỔNG CỘNG	**973.014.309**	**1.087.094.784**
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(60.748.377)	(60.748.377)
GIÁ TRỊ THUẦN	**912.265.932**	**1.026.346.407**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ	60.748.377	61.359.348
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	-	855.908
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(108.193)
Số cuối kỳ	60.748.377	62.107.063
Trong đó:		
Ngắn hạn	*60.748.377*	*62.107.063*
Dài hạn	-	-

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2025 đến năm 2029 và hưởng lãi suất 7,95% - 12%/năm.

8. PHẢI THU KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	1.828.295.048	1.892.832.548
Phải thu lãi cho vay	2.085.798	42.487.317
Tạm ứng cho nhân viên	3.479.675	10.190.992
Phải thu khác	5.964.856	4.408.403
	1.839.825.377	1.949.919.260
Dài hạn		
Phải thu cho mượn	453.425.000	-
Phải thu lãi cho vay	60.500.100	47.244.711
Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ("HTKD")	-	453.425.000
	513.925.100	500.669.711
TỔNG CỘNG	**2.353.750.477**	**2.450.588.971**
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)	*1.805.509.052*	*1.913.495.400*
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 28)	*513.925.100*	*47.244.711*
Phải thu các bên thứ ba	*34.316.325*	*489.848.860*
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(850.131.842)	(850.131.842)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.503.618.635**	**1.600.457.129**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

Ngàn VND

		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ		850.131.842	852.801.123
Cộng:	Dự phòng lập trong kỳ	-	925.429
Trừ:	Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(4.274.839)
Số cuối kỳ		850.131.842	849.451.713
Trong đó:			
Ngắn hạn		*850.131.842*	*849.451.713*
Dài hạn		-	-

9. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Nguyên vật liệu	1.856.227	1.936.837
Hàng hóa	982.376	982.376
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	160.700	160.700
Thành phẩm	58.335	58.335
TỔNG CỘNG	**3.057.638**	**3.138.248**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(2.341.575)
GIÁ TRỊ THUẦN	**716.063**	**796.673**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Thiết bị văn phòng*	*Vườn cây lâu năm*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	153.099.823	16.666.600	31.650.519	3.899.186	6.689.440	108.060	212.113.628
Mua mới trong kỳ	-	-	5.048.600	-	-	-	5.048.600
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	153.099.823	16.666.600	36.699.119	3.899.186	6.689.440	108.060	217.162.228
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	*15.103.413*	*15.476.940*	*19.573.604*	*2.745.695*	*6.689.440*	*108.060*	*59.697.152*
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(60.874.026)	(16.397.207)	(30.250.755)	(3.595.369)	(6.689.440)	(108.060)	(117.914.857)
Khấu hao trong kỳ	(1.565.142)	(26.188)	(574.413)	(111.461)	-	-	(2.277.204)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	(62.439.168)	(16.423.395)	(30.825.168)	(3.706.830)	(6.689.440)	(108.060)	(120.192.061)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	92.225.797	269.393	1.399.764	303.817	-	-	94.198.771
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	90.660.655	243.205	5.873.951	192.356	-	-	96.970.167
Trong đó:							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 20)	*57.106.084*	-	*909.495*	-	-	-	*58.015.579*

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy vi tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	25.278.179	14.817.773	40.095.952
Mua mới trong kỳ	-	145.000	145.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	25.278.179	14.962.773	40.240.952
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	*14.817.773*	*14.817.773*
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	(14.817.773)	(14.817.773)
Khấu hao trong kỳ	-	(10.000)	(10.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	(14.827.773)	(14.827.773)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	25.278.179	-	25.278.179
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	25.278.179	135.000	25.413.179
Trong đó:			
Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 20)	*25.278.179*	-	*25.278.179*

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	47.003.809
Giá trị khấu hao lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(12.707.546)
Khấu hao trong kỳ	(945.729)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	(13.653.275)
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	34.296.263
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	33.350.534
Trong đó:	
Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 20)	*33.350.534*

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.391.262	1.758.189
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	1.016.578	945.729

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Đầu tư vào công ty con *(TM số 13.1)*	11.884.027.219	11.891.977.939
Đầu tư vào công ty liên kết *(TM số 13.2)*	-	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(TM số 13.3)*	916.380.007	916.380.007
TỔNG CỘNG	**12.800.407.226**	**12.813.357.946**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.197.801.697)	(1.192.477.417)
GIÁ TRỊ THUẦN	**11.602.605.529**	**11.620.880.529**

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 *Đầu tư vào các công ty con*

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*		
		Tỷ lệ sở hữu	*Giá gốc đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Giá gốc đầu tư*	*Dự phòng*
		%	*Ngàn VND*	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*	*Ngàn VND*
Công ty Cổ phần Lê Me	Chăn nuôi và trồng trọt	87,74	3.450.326.000	-	87,74	3.450.326.000	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Nông nghiệp	98,78	2.989.291.000	(712.985.120)	98,78	2.989.291.000	(712.985.121)
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Chăn nuôi và trồng trọt	95,45	2.745.600.000	-	95,45	2.745.600.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chăn nuôi và trồng trọt	85,00	2.591.261.613	-	85,00	2.591.261.613	-
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	97,50	89.769.616	(89.769.616)	97,50	89.769.616	(89.769.616)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	(17.778.990)	100,00	17.778.990	(17.778.990)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp *(*)*	Chăn nuôi và trồng trọt	-	-	-	88,03	7.950.720	(7.950.720)
TỔNG CỘNG			**11.884.027.219**	**(820.533.726)**		**11.891.977.939**	**(828.484.447)**

(*) Vào ngày 26 tháng 2 năm 2025, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để giải thể hoạt động, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/25/NQHĐQT-HAGL ngày 7 tháng 1 năm 2025.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*		
		Tỷ lệ sở hữu	*Giá gốc đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Giá gốc đầu tư*	*Dự phòng*
		%	*Ngàn VND*	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*	*Ngàn VND*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông *(*)*	Tư vấn và thiết kế	-	-	-	25,00	5.000.000	(5.000.000)

(*) Vào ngày 20 tháng 5 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần do Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông với giá trị chuyển nhượng là 6.000.000 ngàn VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông không còn là công ty liên kết của Công ty tại ngày này.

13.3 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	*Giá gốc đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết*	*Giá gốc đầu tư*	*Dự phòng*
		%	*Ngàn VND*	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*	*Ngàn VND*
Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") *(*)*	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	8,24	909.019.966	(369.907.930)	8,24	909.019.966	(351.632.929)
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	(6.200.000)	2,00	6.200.000	(6.200.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	(1.160.041)	-	1.160.041	(1.160.041)
TỔNG CỘNG			**916.380.007**	**(377.267.971)**		**916.380.007**	**(358.992.970)**

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty *(TM số 20)*.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Công cụ, dụng cụ	305.424	238.120
Chi phí trả trước khác	456.387	556.294
TỔNG CỘNG	**761.811**	**794.414**

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	48.604.152	55.265.202
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	126.000	126.000
TỔNG CỘNG	**48.730.152**	**55.391.202**
Trong đó:		
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 28)	*25.232.230*	*26.958.121*
Phải trả cho các bên thứ ba	*23.497.922*	*28.433.081*

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Nhận ứng trước của khách hàng thương mại	16.697.048	14.949.040
Trong đó:		
Ứng trước từ các bên liên quan (TM số 28)	*15.406.602*	*13.527.278*
Ứng trước từ các bên thứ ba	*1.290.446*	*1.421.762*

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
Thuế thu nhập cá nhân	723.998	1.729.987	(1.790.555)	663.430
Thuế giá trị gia tăng	1.499.165	698.994	(1.397.265)	800.894
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(TM số 27.1)*	103.625	-	(103.625)	-
Khác	262.187	726.045	(988.232)	-
TỔNG CỘNG	**2.588.975**	**3.155.026**	**(4.279.677)**	**1.464.324**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay *(*)*	1.974.205.517	3.786.553.095
Chi phí phát hành trái phiếu	15.908.108	15.908.108
Chi phí lãi HĐHTKD	2.427.180	2.427.180
Khác	5.321.693	3.385.179
	1.997.862.498	3.808.273.562
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	81.706.130	163.412.260
TỔNG CỘNG	**2.079.568.628**	**3.971.685.822**

(*) Một phần lãi trái phiếu phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 1.936.503.588 ngàn VND và lãi trái phiếu phát sinh trong kỳ với giá trị là 111.362.574 ngàn VND đã được chuyển đổi thành khoản phải trả ngắn hạn khác *(TM số 19)*.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn		
Phải trả do chuyển đổi lãi trái phiếu *(i)*	2.047.866.162	-
Trong đó:		
- *Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt*	*585.689.723*	-
- *Ông Hồ Phúc Trường*	*487.392.146*	-
- *Ông Nguyễn Đức Trung*	*487.392.146*	-
- *Bà Nguyễn Thị Đào*	*389.094.571*	-
- *Ông Phan Công Danh*	*49.148.788*	-
- *Bà Nguyễn Anh Thảo*	*49.148.788*	-
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty *(ii)*	306.618.492	377.057.289
Phải trả do thu hộ	32.415.932	27.922.021
Khác	1.573.885	2.925.759
	2.388.474.471	407.905.069
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty *(ii)*	7.666.626	7.666.626
TỔNG CỘNG	**2.396.141.097**	**415.571.695**
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)	*188.052.068*	*345.595.002*
Phải trả các bên thứ ba	*2.208.089.029*	*69.976.693*

(i) Khoản này thể hiện các khoản phải trả không lãi suất cho các bên cho vay theo các Hợp đồng Mua lại Trái phiếu trước hạn - Trái phiếu 2016 Nhóm B và các Văn bản Thỏa thuận giữa Công ty và các bên cho vay ngày 30 tháng 6 năm 2025 *(TM số 20)*.

(ii) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

20. VAY

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu*	*Chuyển đổi sang nợ vay (*)*	*Tiền chi trả gốc trái phiếu*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
Vay ngắn hạn	**1.918.506.151**	**9.493.849**	**-**	**(6.000.000)**	**1.922.000.000**
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm *(TM số 20.1)*	1.918.506.151	9.493.849	(1.642.000.000)	(6.000.000)	280.000.000
Vay bên khác đến hạn trả *(TM số 20.2)*	-	-	1.642.000.000	-	1.642.000.000
Vay dài hạn	**1.171.204.222**	**1.448.944**	**-**	**-**	**1.172.653.166**
Trái phiếu thường dài hạn *(TM số 20.1)*	1.171.204.222	1.448.944	(358.000.000)	-	814.653.166
Vay bên khác *(TM số 20.2)*	-	-	358.000.000	-	358.000.000
TỔNG CỘNG	**3.089.710.373**	**10.942.793**	**-**	**(6.000.000)**	**3.094.653.166**

(*) Đến ngày 5 tháng 6 năm 2025, một phần khoản trái phiếu thường với giá trị gốc là 2.000.000.000 ngàn VND ("Trái phiếu Nhóm B") và lãi trái phiếu lũy kế đến ngày 20 tháng 5 năm 2025 với giá trị là 2.022.301.329 ngàn VND đã được hoàn tất chuyển nhượng từ BIDV cho các trái chủ mới theo các hợp đồng chuyển nhượng.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2025/NQHĐQT-HAGL ngày 29 tháng 6 năm 2025, các Hợp đồng Mua lại Trái phiếu trước hạn - Trái phiếu 2016 Nhóm B và các Văn bản Thỏa thuận giữa Công ty và các trái chủ của Trái phiếu Nhóm B, tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, khoản nợ gốc Trái phiếu Nhóm B với giá trị là 2.000.000.000 ngàn VND được chuyển đổi thành khoản nợ vay *(TM số 20.2)* và lãi trái phiếu lũy kế đến ngày này với giá trị là 2.047.866.162 ngàn VND được chuyển đổi thành khoản phải trả ngắn hạn khác *(TM số 18 và 19)*. Theo đó, khoản nợ gốc trái phiếu thường dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 thể hiện 1.099 trái phiếu nắm giữ bởi BIDV ("Trái phiếu Nhóm A") với giá trị là 1.099.000.000 ngàn VND *(TM số 20.1)*.

20. VAY (tiếp theo)

20.1 *Trái phiếu thường dài hạn*

Ngàn VND

Tổ chức thu xếp phát hành	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	1.099.000.000	3.105.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(4.346.834)	(15.289.627)
TỔNG CỘNG	**1.094.653.166**	**3.089.710.373**
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	*814.653.166*	*1.171.204.222*
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	*280.000.000*	*1.918.506.151*

20. VAY (tiếp theo)

20.1 *Trái phiếu thường dài hạn* (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	*Trái chủ*	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Lãi suất (%/năm)*	*Ngày đáo hạn cuối cùng*	*Mục đích*	*Tài sản thế chấp*
BIDV và BSC	BIDV *(*)*	1.099.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00%/năm (thực tế trong kỳ: 7,675% - 7,95%/ năm)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Diện tích 4.852,74 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sê Kông (Lào) do Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh làm chủ sở hữu; 119 căn hộ chung cư cao cấp HAGL tại Phường Diên Hồng, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Nhà máy đá Granit Hoàng Anh Gia Lai tại QL14, xã Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng đất tại phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 1.960,91 ha cao su tại tỉnh Ratanakiri, Campuchia của Công ty TNHH MTV Heng Brothers; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 3.283,7 ha cao su tại tỉnh Ratanakiri, Campuchia của Công ty TNHH MTV C.R.D; Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; 16,5 ha chuối trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư – Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty; 91.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 335 ha chuối tại Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; 2.789,7216 ha tại Stung treng, Campuchia thuộc Công ty TNHH sản xuất Bột mì; Nhà máy gỗ nội thất (tại Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Máy móc thiết bị thuộc Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai; 141,5988 ha tại Stung treng, Campuchia thuộc Công ty TNHH sản xuất Bột mì; 6.851 con heo giống của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; 9.093 con heo giống của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn phần diện tích để cập trong phần Mục đích giải ngân của Hợp đồng Tín dụng, các cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Cũng tại ngày này, Công ty chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải trả đã quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 với tổng giá trị là 1.810.793.258 ngàn VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đang có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay trên.

20. VAY (tiếp theo)

20.2 *Vay dài hạn bên khác*

Bên cho vay (*)	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Lãi suất (%/năm)*	*Ngày đáo hạn cuối cùng*	*Tài sản thế chấp*
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	572.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,0%/năm	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	86.696.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
Ông Hồ Phúc Trường	476.000.000			
Ông Nguyễn Đức Trung	476.000.000			
Bà Nguyễn Thị Đào	380.000.000			
Ông Phan Công Danh	48.000.000			
Bà Nguyễn Anh Thảo	48.000.000			
TỔNG CỘNG	**2.000.000.000**			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	*1.642.000.000*			
Vay dài hạn	*358.000.000*			

(*) Đây là các trái chủ của Trái phiếu Nhóm B đã được thay đổi thành bên cho vay tương ứng với việc chuyển đổi khoản nợ gốc Trái phiếu Nhóm B thành khoản vay.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

Ngàn VND

	Vốn cổ phần	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lỗ lũy kế*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.398.978.774)	6.154.909.359
Tăng vốn trong kỳ	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(279.895.303)	279.895.303	-
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(122.817.985)	(122.817.985)
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	(1.536.000)	(1.536.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	10.574.679.470	(686.640)	-	(3.243.437.456)	7.330.555.374
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	10.574.679.470	(686.640)	-	(3.387.918.129)	7.186.074.701
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(162.911.917)	(162.911.917)
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	(1.536.000)	(1.536.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	10.574.679.470	(686.640)	-	(3.552.366.046)	7.021.626.784

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Cổ phiếu được phép phát hành	1.057.467.947	1.057.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.057.467.947	1.057.467.947
Cổ phiếu phổ thông	*1.057.467.947*	*1.057.467.947*
Cổ phiếu đang lưu hành	1.057.399.283	1.057.399.283
Cổ phiếu phổ thông	*1.057.399.283*	*1.057.399.283*
Cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
Cổ phiếu phổ thông	*68.664*	*68.664*

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, một phần cổ phiếu phổ thông đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty.

22. DOANH THU

22.1 *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Doanh thu thuần	**4.797.102**	**3.445.787**
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*2.758.532*	*2.760.571*
Doanh thu bán hàng hóa	*2.038.570*	*685.216*
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên thứ ba	*2.755.691*	*2.679.593*
Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 28)	*2.041.411*	*766.194*

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	40.308.931	35.750.896
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.950.850	22.615.600
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính *(TM số 13.2)*	6.000.000	2.051.976
Cổ tức	-	30.228.603
TỔNG CỘNG	**53.259.781**	**90.647.075**
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên thứ ba	*13.010.272*	*56.930.546*
Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 28)	*40.249.509*	*33.716.529*

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.016.578	1.016.578
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.038.570	685.216
TỔNG CỘNG	**3.055.148**	**1.701.794**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí lãi vay	164.755.249	191.689.505
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính dài hạn	18.275.000	(13.705.787)
Khác	300.648	-
TỔNG CỘNG	**183.330.897**	**177.983.718**

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	902.452	1.277.209
Chi phí lương nhân viên	191.337	189.927
Chi phí bán hàng khác	51.996	270.984
	1.145.785	1.738.120
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	18.105.586	16.835.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.627.805	10.423.222
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.096.495	2.408.473
(Hoàn nhập dự phòng) chi phí dự phòng	(172.714)	487.647
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.829.130	4.236.882
	33.486.302	34.392.116
TỔNG CỘNG	**34.632.087**	**36.130.236**

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	381.657	231.848
Chi phí khác		
Các khoản phạt	8.069	965.177
Xóa sổ công nợ	332.504	-
Chi phí khác	567.958	167.634
	908.531	1.132.811
LỖ KHÁC THUẦN	**(526.874)**	**(900.963)**

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(576.206)	194.136
TỔNG CỘNG	**(576.206)**	**194.136**

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Lỗ tính thuế khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Dưới đây là đối chiếu lỗ thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Tổng lỗ kế toán trước thuế	**(163.488.123)**	**(122.623.849)**
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ *(*)*	107.425.388	102.109.479
Lãi suất ấn định	17.020.930	42.856.715
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.881.030	(970.680)
Thay đổi các khoản dự phòng	-	488
Thu nhập cổ tức	-	(30.228.603)
Các chi phí không được khấu trừ khác	524.605	1.098.410
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	**(35.636.170)**	**(7.758.040)**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**-**	**-**
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	103.625	28.062.353
Thuế TNDN trích thừa kỳ trước	(65.955)	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(37.670)	(27.976.398)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ *(TM số 17)*	**-**	**85.955**

(*) Theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, đây là các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định không được trừ thuế TNDN ước tính bởi Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 *Thuế TNDN hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Ngàn VND

	Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ*	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.422.199)	(1.998.405)	576.206	(194.136)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	***(1.422.199)***	***(1.998.405)***		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			***576.206***	***(194.136)***

27.3 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau kỳ phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.564.733.277 ngàn VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.529.097.107 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Ngàn VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025*
2022 *(*)*	2027	69.375.996	-	-	69.375.996
2024 *(**)*	2029	1.459.721.111	-	-	1.459.721.111
2025 *(**)*	2030	35.636.170	-	-	35.636.170
TỔNG CỘNG		**1.564.733.277**	**-**	**-**	**1.564.733.277**

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(**) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chuyển sang các kỳ sau do chưa chắc chắn được thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai.

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp	Công ty con trực tiếp *(đến ngày 26 tháng 2 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Mang Yang	Công ty con gián tiếp *(từ ngày 13 tháng 5 năm 2025)*
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang	Công ty con gián tiếp *(từ ngày 1 tháng 6 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Thủy sản Cá Tầm Bolaven	Công ty con gián tiếp *(từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Công ty TNHH MTV Cá tầm Bolaven Pakson	Công ty con gián tiếp *(từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con *(đến ngày 25 tháng 3 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan của thành viên Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan của thành viên HĐQT

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan của thành viên HĐQT *(đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT độc lập *(đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Ông Nguyễn Chí Thắng	Giám đốc công ty con
Ông Bùi Lê Quang	Thành viên HĐQT *(đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc *(từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Bà Hà Kiết Trân	Thành viên HĐQT độc lập *(từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS *(đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên BKS *(đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Bà Đoàn Nguyễn Minh Hòa	Thành viên BKS *(từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Bà Đinh Thị Lê Sa	Thành viên BKS *(từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Bà Lê Trương Y Trâm	Kế toán trưởng
Bà Đoàn Thị Mai Phương	Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty
Bà Hồ Thị Mỹ Loan	Thư ký Công ty
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chi hộ	234.247	433.897
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.171	1.801
	Chuyển đổi khoản phải thu thành vốn góp	-	777.169.770
	Lãi cho vay	-	1.227.942
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Chi hộ	46.127.000	2.000.000
	Lãi cho vay	26.765.685	10.717.499
	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.241.784	520.693
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.495	732.070
	Cho vay	-	700.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.991.311	-
	Lãi trái phiếu	-	17.277.000
	Lãi cho vay	-	15.808.753
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Lãi cho vay	11.584.624	5.962.335
	Chi hộ	426.111	390.204
	Mua hàng hóa và dịch vụ	51.000	51.000
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	13.434	32.323
	Cho vay	-	244.556.333
Công ty Cổ phần Lê Me	Chi hộ	500.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Chi hộ	331.649	230.754
	Cho mượn	-	5.400.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Lãi cho vay	1.899.200	-
	Chi hộ	7.411	633.029
Công Ty Cổ Phần Cá Nước Ngọt Gia Lai	Chi hộ	21.689	-

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
***Phải thu ngắn hạn của khách hàng** (TM số 5)*			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.768.687	4.761.899
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.343.507	3.342.696
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.865.320	2.865.320
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.648.449	1.490.206
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	521.053	521.053
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	291.600	291.600
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	151.077	118.142
Công Ty Cổ Phần Cá Nước Ngọt Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	123.758
		13.589.693	**13.514.674**
***Trả trước cho người bán ngắn hạn** (TM số 6)*			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Ứng trước mua hàng hóa	286.841.877	286.841.877
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Ứng trước mua hàng hóa	22.533.522	22.579.664
		309.375.399	**309.421.541**
***Phải thu về cho vay ngắn hạn** (TM số 7)*			
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Cho vay	-	61.722.674
***Phải thu về cho vay dài hạn** (TM số 7)*			
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Cho vay	705.000.000	705.000.000
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Cho vay	191.778.441	244.556.333
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Cho vay	49.900.701	49.900.701
		946.679.142	**999.457.034**

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại các kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
***Phải thu ngắn hạn khác** (TM số 8)*			
Công ty Cổ phần Lê Me	Chi trả hộ	731.594.093	731.094.093
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Chi trả hộ	596.670.391	592.224.110
	Khác	400.820	393.410
	Lãi cho vay	-	32.132.634
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Chi trả hộ	22.000	22.000
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn Gia súc Trà Bá	Chi trả hộ	141.346.241	141.346.241
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chi trả hộ	112.071.276	117.895.692
	Lãi cho vay	1.227.942	1.227.942
	Khác	631.705	460.292
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Chi trả hộ	101.958.449	99.770.725
	Khác	1.876.093	1.876.093
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Chi trả hộ	72.462.320	141.345.386
	Lãi cho vay	106.007	106.007
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Lãi cho vay	-	8.268.886
	Khác	35.093	37.462
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Chi trả hộ	44.040.362	44.031.381
Các bên khác	Khác	1.066.260	1.263.046
		1.805.509.052	**1.913.495.400**
***Phải thu dài hạn khác** (TM số 8)*			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Cho mượn	453.425.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Lãi cho vay	34.031.834	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Lãi cho vay	26.347.288	37.593.808
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Lãi cho vay	120.978	9.650.903
		513.925.100	**47.244.711**

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
***Phải trả người bán ngắn hạn** (TM số 15)*			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Mua hàng hóa	15.503.068	15.503.068
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Mua hàng hóa	8.997.560	8.997.560
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Mua hàng hóa	436.516	436.516
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Mua hàng hóa	116.266	1.882.237
Các công ty khác	Mua hàng hóa	178.820	138.740
		25.232.230	**26.958.121**
***Người mua trả tiền trước ngắn hạn** (TM số 16)*			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	8.640.087	8.640.087
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	6.766.515	4.887.191
		15.406.602	**13.527.278**
***Phải trả ngắn hạn khác** (TM số 19)*			
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Mượn	156.783.260	311.783.260
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Thu hộ	5.737.000	5.737.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Mượn	2.046.786	4.589.720
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Thu hộ	715.272	715.272
		188.052.068	**345.595.002**

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Ban Thư ký trong kỳ như sau:

Ngàn VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập (*)*	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	1.245.336	1.245.336
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	720.563	725.111
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	673.476	1.037.829
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	671.135	566.815
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	612.803	630.351
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	372.932	366.026
Các cá nhân khác		962.845	962.495
TỔNG CỘNG		**5.259.090**	**5.533.963**

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Dưới 1 năm	1.301.822	1.539.718
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	5.207.288
Trên 5 năm	28.472.880	29.118.441
TỔNG CỘNG	**34.981.990**	**35.865.447**

Cam kết bảo lãnh

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV Thanh Hóa"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty Cổ phần Thể Thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	444.052.578	444.052.578
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	3.720.000	3.720.000
TỔNG CỘNG	**454.764.794**	**454.764.794**

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/25/NQHĐQT-HAGL ngày 23 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án phát hành 210.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu và giá phát hành là 12.000 VND/ cổ phiếu với mục đích hoán đổi khoản vay dài hạn và một phần khoản phải trả về chuyển đổi lãi trái phiếu cho bên khác *(TM số 19 và 20)* với tổng giá trị là 2.520.000.000 ngàn VND để Đại hội đồng Cổ đông của Công ty xem xét bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nói trên chưa hoàn tất.

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Phạm Thị Thu Hà	Lê Trương Ý Trâm	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn